

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 21/8/2025

V/v hợp đồng mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Hằng – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 11/8/2025.

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Số CCCD: 040084012700.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Nay là thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn P, sinh năm 1983; Số CCCD: 045083004079; địa chỉ: Khu phố F, phường N, tỉnh Quảng Trị – Là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền ngày 05/6/2025*). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu P1, sinh năm 1984; Số CCCD: 045184001078.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (Nay là thôn N, phường Q, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025 và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi (Bột nuôi lợn), từ năm 2019 đến nay bà P1 đã nhiều lần mua bột của ông Nguyễn Văn H và có nợ ông H số tiền 76.060.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H đã nhiều lần yêu cầu bà P1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng bà P1 không trả. Để xác nhận lại toàn bộ số tiền bột chưa trả của bà P1, ngày 06/11/2024 ông Nguyễn Văn H có viết giấy với nội dung bà P1 còn nợ ông H tổng số tiền 76.060.000 đồng và bà P1 đồng ý trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả vào ngày 27 hàng tháng. Ngày 27/11/2024 bà P1 có trả cho ông H số tiền

2.060.000 đồng, ngày 28/12/2024 bà P1 tiếp tục trả thêm số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà P1 chưa trả cho ông Nguyễn Văn H là 72.000.000 đồng. Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà P1 trả nợ số tiền còn lại nhưng bà P1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 10/4/2025 ông H có thông báo cho bà P1 để hủy giao kết ngày 06/11/2024 và đề nghị bà P1 trả một lần toàn bộ số tiền mua bột chưa trả là 72.000.000 đồng, trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày bà nhận được thông báo. Qua thông tin bưu gửi được biết ngày 12/4/2025 bà Nguyễn Thị Thu P1 đã nhận được thông báo nêu trên nhưng bà Nguyễn Thị Thu P1 vẫn không thanh toán số tiền mua bột 72.000.000 đồng cho ông H. Do bà Nguyễn Thị Thu P1 đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, ông Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu P1 phải trả tổng số tiền là 72.078.904 đồng, trong đó: Tiền nợ mua bột nuôi lợn chưa thanh toán là 72.000.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc với lãi suất 10%/năm (tạm tính từ ngày 18/04/2025 đến ngày 22/04/2025) là: 78.904 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Thu P1 thanh toán nợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ mua bột nuôi lợn 72.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 18/04/2025 đến xét xử sơ thẩm là ngày 21/8/2025 với lãi suất 10%/năm là 2.465.753 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu P1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà P1 không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án; vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ nhất, lần thứ 2; vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu P1 có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận hàng, do bà Nguyễn Thị Thu P1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện số tiền nợ mua hàng còn lại, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Người bị kiện là bà Nguyễn Thị Thu P1 có địa chỉ tại thôn N, phường Q, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P1, nhưng bà P1 vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu P1 theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Về tiền nợ mua hàng: Từ năm 2019 đến nay, bà Nguyễn Thị Thu P1 và ông Nguyễn Văn H có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi (Bột nuôi lợn). Đây là thỏa thuận mua bán hàng hóa quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự. Hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ giao nhận hàng, bà P1 đã ký xác nhận công nợ vào ngày 06/11/2024 số tiền còn nợ 72.060.000 đồng và bà P1 đồng ý trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả vào ngày 27 hàng tháng. Đến ngày 28/12/2024 bà P1 còn nợ ông H 72.000.000 đồng, từ đó đến nay bà P1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ mua hàng còn lại cho ông H. Quá trình giải quyết vụ án, bà P1 không có bản trình bày ý kiến về các nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bà P1 có mua hàng và còn nợ ông H số tiền mua hàng 72.000.000 đồng là có thật. Yêu cầu của ông H đề nghị Tòa án buộc bà P1 trả số tiền mua hàng còn nợ là 72.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Do vi phạm thỏa thuận về thanh toán, ngày 10/4/2025 ông H có thông báo cho bà P1 để hủy giao kết ngày 06/11/2024 và đề nghị bà P1 trả một lần toàn bộ số tiền mua bột chưa trả là 72.000.000 đồng, trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày bà nhận được thông báo. Qua thông tin bưu gửi được biết ngày 12/4/2025 bà Nguyễn Thị Thu P1 đã nhận được thông báo nêu trên nhưng bà Nguyễn Thị Thu P1 vẫn không thanh toán số tiền mua bột 72.000.000 đồng cho ông H. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông H yêu cầu bà P1 trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 18/04/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/8/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 2.465.753 đồng, phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự, là có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Thu P1 và ông Nguyễn Văn H là người có năng lực pháp luật dân sự, việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc phù hợp với quy định pháp luật, bà P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng đối với ông H, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc bà Nguyễn Thị Thu P1 trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền mua hàng còn nợ 72.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 2.465.753 đồng tính từ ngày 18/04/2025 đến ngày 21/8/2025.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu P1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ mua hàng là 72.000.000 đồng. Tiền lãi chậm trả 2.465.753 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Thu P1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H là 74.465.753 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P1 phải chịu 3.723.287 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.801.973 đồng theo biên lai số 0000151 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Trị).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; Tổ HCTP.

Nguyễn Thị Liên

